

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NINH THUẬN**

Số: 338/CNNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

2. Mã chứng khoán: NNT

3. Địa chỉ trụ sở chính: 14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

4. Điện thoại: 0944.851.719

Fax: 0259.3832020

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Hữu Hùng**

6. Nội dung thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, TC-HC.



Nguyễn Hữu Hùng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Đình Ân

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Giấy CNĐKDN số: 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp
thay đổi lần thứ tư ngày 13/6/2018.

Trụ sở chính: số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp
Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Long
Thuận Resort – Số 01 Yên Ninh, Bãi biển Bình Sơn – Ninh Chữ, Tp. Phan Rang – Tháp
Chàm, tỉnh Ninh Thuận, cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm
2023 Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

I. Khai mạc cuộc họp

Ông Nguyễn Hữu Hùng điều khiển.

1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

a) Thành phần tham dự gồm:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận;
- Các cổ đông và đại diện cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.
- Giới thiệu nhân sự làm thành viên Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, bao gồm:

b) Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (gồm 05 người):

- | | |
|-------------------------|---|
| - Bà Bá Bạch Thủy Tiên | - Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng ban; |
| - Bà Đinh Lê Ngọc Trâm | - Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên; |
| - Ông Lâm Đại Nam | - Phòng Kế toán Tài vụ, Thành viên; |
| - Bà Ngô Huỳnh Kim Thoa | - Phòng Tổ chức – Hành chính, Thành viên; |
| - Bà Phạm Ngọc Minh Chi | - Phòng Tổ chức – Hành chính, Thành viên. |

**2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên
2023 Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

Bà Bá Bạch Thủy Tiên – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả
thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự
tính tới thời điểm 08 giờ 10 phút ngày 27/4/2023 là 36 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ



đồng tham dự là 9.175.950 cổ phần, chiếm 96,68% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

3. Thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội:

Ông Nguyễn Hữu Hùng trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Chủ tọa đoàn

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Chủ tọa đoàn với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

Đoàn chủ tịch (gồm 05 người):

1. Ông Phạm Hữu Sơn – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận – Chủ tọa;
2. Ông Đinh Ân – Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Thành viên.
3. Ông Đinh Việt Sơn – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Thành viên.
4. Ông Nguyễn Quốc Quyền – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận - Thành viên.
5. Ông Võ Ngọc Thoại – Thành viên HĐQT – Thành viên;

5. Thông qua danh sách nhân sự Đoàn Thư ký và Ban kiểm phiếu

Ông Nguyễn Hữu Hùng điều khiển Đại hội thông qua số lượng và danh sách Đoàn Thư ký, Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

▪ Đoàn Thư ký (gồm 02 người):

1. Ông Nguyễn Hữu Hùng – Trưởng ban
2. Bà Đặng Thị Cúc – Thành viên

▪ Ban Kiểm phiếu (gồm 05 người):

1. Ông Hồng Hào Quốc – Trưởng ban
2. Ông Phạm Như An – Thành viên
3. Ông Trần Đặng Hoàng Long – Thành viên
4. Ông Nguyễn Tấn Kha – Thành viên
5. Ông Nguyễn Anh Thi – Thành viên

II. Nội dung Đại hội

1. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội. Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023

Ông Phạm Hữu Sơn trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 nhiệm kỳ III (2019-2024)

Bà Bá Bạch Thùy Tiên - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 nhiệm kỳ III (2019-2024)

4. Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Ông Đinh Việt Sơn trình bày Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Một số chỉ tiêu hoạt động chính trong năm 2022:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2022/kế hoạch 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000	21.974.595	103,65%
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	191,263	210,499	110,06%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48,058	68,208	141,93%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	42,196	59,429	140,84%
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	223.499	238.953	106,91 %
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		366.348	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		24,87	

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2022/kế hoạch 2022
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		16,22	

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2023
1	Nước ghi thu	m ³	22.018.544
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	198,323
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	186.755
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.368
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51,129
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.549
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	239.255

5. Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Bà Nguyễn Thu Hòa lần lượt trình bày Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Một số nội dung trong phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	24.136.152.549	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	59.428.916.683	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	83.565.069.232	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2022:	28.033.660.794	d = e+f+g

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	17.828.675.005	e = (b*30%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	9.907.690.458	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.907.690.458	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	297.295.331	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	55.531.408.438	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 36% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	34.167.027.600	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	3.600	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	21.364.380.838	j = h - i

Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 26/5/2023.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 03/7/2023.

6. Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023

Bà Nguyễn Thu Hòa trình bày Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023.

7. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Bà Bá Bạch Thủy Tiên trình bày Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, cụ thể: ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

8. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

19/06
 3 TY
 HÃN
 ƯỐC
 THUẬT
 1-AM-V

Ông Nguyễn Quốc Quyền trình bày Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

9. Tờ trình kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2023

Ông Đinh Viết Sơn trình bày Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023.

10. Đại hội thảo luận

Ý kiến Cổ đông: Các cổ đông tham dự không có ý kiến

11. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận trước khi tiến hành biểu quyết

Bà Bá Bạch Thủy Tiên – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm 9 giờ 40 phút ngày 27/4/2023 là 47 cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là 9.197.950 cổ phần, chiếm 96,91% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

12. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng thẻ biểu quyết

13. Nghỉ giải lao

14. Công bố kết quả biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

Ông Hồng Hào Quốc – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết:

Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 nhiệm kỳ III (2019-2024)

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023.

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2023

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %
Không ý kiến	0 cổ phần	0 %

Thông qua Tờ trình về việc Điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế từ năm 2018 đến năm 2021

- Tổng số thẻ hợp lệ: 46 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 9.097.950 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Tổng số thẻ không hợp lệ: 0 thẻ, tương ứng với số cổ phần biểu quyết: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

- Kết quả cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ
Đồng ý	9.097.950 cổ phần	100 %
Không đồng ý	0 cổ phần	0 %

Không ý kiến	0 cổ phần	0 %
--------------	-----------	-----

15. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông Nguyễn Hữu Hùng thay mặt Đoàn thư ký trình bày Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

Ông Phạm Hữu Sơn điều khiển Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Biên bản Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Nghị quyết Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc lúc 11 giờ 55 phút cùng ngày.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Hữu Hùng

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỌA



Phạm Hữu Sơn

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2022/kế hoạch 2022
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		366.348	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		24,87	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		16,22	

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2023
1	Nước ghi thu	m ³	22.018.544
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	198,323
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	186,755
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5,200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6,368
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51,129
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44,549
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	239,255

Điều 4. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 (tài liệu đính kèm).

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	24.136.152.549	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	59.428.916.683	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	83.565.069.232	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2022:	28.033.660.794	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	17.828.675.005	e = (b*30%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi.	9.907.690.458	f

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.907.690.458	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	297.295.331	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	55.531.408.438	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 36% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	34.167.027.600	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	3.600	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	21.364.380.838	j = h - i

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 26/5/2023.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 03/7/2023.

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023 (*tài liệu đính kèm*)

1. Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2022:

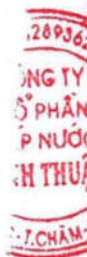
a. Hội đồng quản trị:

- + Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:
01 người, mức chi là: 458.466.420 đồng
- + Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
04 người, mức chi là: 302.606.400 đồng
- Tổng cộng: 761.072.820 đồng**

Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi đồng.

b. Ban kiểm soát:

- + Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:
01 người, mức chi là: 385.828.536 đồng
- + Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:



01 người, 12 tháng mức chi là: 60.522.000 đồng

01 người, 4 tháng mức chi là: 20.174.000 đồng

Tổng cộng: 466.524.536 đồng

Bằng chữ: *Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng.*

c. Thư ký công ty:

01 người, mức chi là: 75.651.600 đồng

Bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, sáu trăm đồng.*

* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.303.248.956 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng.*

2. Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023, cụ thể:

a. Hội đồng quản trị:

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 378.922.500 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 250.104.000 đồng

Tổng cộng: 629.026.500 đồng

Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm đồng.*

b. Ban kiểm soát:

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 318.887.280 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 50.020.800 đồng

Tổng cộng: 368.908.080 đồng

Bằng chữ: *Ba trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm lẻ tám ngàn, không trăm tám mươi đồng.*

c. Thư ký:

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 62.526.000 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng.*



* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.060.460.580 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, năm trăm tám mươi đồng.*

Điều 7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Điều 8. Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Điều 9. Thông qua Tờ trình Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2023 (tài liệu đính kèm).

Điều 10. Thông qua Tờ trình Điều chỉnh phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2018 – 2021 (tài liệu đính kèm).

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở thông tin và truyền thông tỉnh Ninh Thuận;
- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- CBTT Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



PHẠM HỮU SƠN

Phạm Hữu Sơn



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tôi xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm qua và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Tình hình thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2022

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000	21.974.595	103,65%
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	191,263	210,499	110,06%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	48,058	68,208	141,93%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	42,196	59,429	140,84%

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã giao các chỉ tiêu cho HĐQT trong năm 2022 & kết quả thực hiện như sau:

- Về doanh thu:

Kế hoạch năm 2022 là 191,2 tỷ, Kết quả thực hiện 210,4 tỷ, đạt 103% so với kế hoạch năm.

Sản lượng nước ghi thu:

Kế hoạch năm 2022 là 21,2 triệu m³; thực hiện đạt 21,9 triệu m³, đạt 103,65% so với kế hoạch năm.

Tỷ lệ chi cổ tức là 25%.

- Về lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch năm 2022 là 48 tỷ, thực hiện đạt 68,2 tỷ, tăng 41% so với kế hoạch năm.



Lợi nhuận sau thuế: Kế hoạch năm 2022 là 42,1 tỷ, thực hiện đạt 59,4 tỷ, tăng 40% so với kế hoạch năm.

1.2. Phân phối lợi nhuận năm 2022

- Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối: 83.565.069.232 đồng (trong đó Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 59.428.916.683 đồng và lợi nhuận từ năm 2020 chuyển sang 24.236.152.549 đồng)

- Trích lập các quỹ : 28.033.660.794 đồng: trong đó:

+ Quỹ đầu tư phát triển: 17.828.675.005 tỷ đồng. (25% LNST)

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 9.907.690.458 tỷ đồng

- Chi trả cổ tức (36%) : 34.167.027.600 đồng

- Lợi nhuận để lại chuyển sang năm 2023: 21.364.380.838 đồng.

1.3 Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

Thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ thường niên năm 2022, trên cơ sở đề xuất Ban kiểm soát, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực trong danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH kiểm toán VACO.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT:

2.1 Kết quả hoạt động HĐQT:

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, tập thể lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ quản lý, người lao động. HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững, hầu hết các chỉ tiêu theo kế hoạch Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra chúng ta đều đạt được và vượt so với kế hoạch.

Trong năm 2022, ngoài việc hàng quý tổ chức thực hiện các phiên họp định kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề về đầu tư theo quy chế quản lý đầu tư, chi cổ tức, xây dựng chiến lược, ..., thì Hội đồng quản trị còn thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị. Việc tổ chức các cuộc họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định nhằm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc triển khai thực hiện. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ khác...

2.2 Kết quả hoạt động chỉ đạo giám sát của HĐQT với Ban giám đốc:

HQĐT thường xuyên theo dõi và phối hợp với Ban giám đốc và chỉ đạo kịp thời để thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã đề ra. Định kỳ hàng tháng, quý đều có tổ chức họp để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đề ra các giải pháp chỉ đạo kịp thời, định hướng hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá chung:

Năm 2022 công ty thực hiện nhiều đầu tư thiết bị công nghệ và đầu tư nhiều dự án mới. Tuy nhiên nhờ vào sự nhận định kịp thời của BGD cũng như HĐQT về công tác chuẩn bị sản xuất, đảm bảo không bị động trước diễn biến tình hình và sự cố gắng của toàn thể cán bộ người lao động trong công ty nên đã đạt được kế hoạch đề ra.

Với tất cả sự cố gắng, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị, các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được Ban Giám đốc triển khai kịp thời, đúng quy định. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được đã giúp công ty ngày càng phát triển, duy trì, củng cố lòng tin với khách hàng, nhà cung cấp, các cổ đông. Bên cạnh đó, việc thực hiện phối hợp tốt với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy mà mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã hoàn thành tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty, tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 300 cán bộ, công nhân viên và người lao động trong công ty.

- Nội dung chưa thực hiện:

Bên cạnh các kết quả đạt được trên, vẫn còn tồn tại khó khăn trong công tác đầu tư xây dựng. Cụ thể: Tiến độ triển khai 02 dự án trọng tâm của Công ty còn chậm (*Mở rộng nâng cấp nhà máy nước Tháp chàm công suất từ 52.000m³ ngày/đêm, lên 120.000m³ ngày/đêm và xây dựng trạm tăng áp 36.000m³ ngày/đêm*). Công tác phát triển mạng lưới cấp nước chưa đạt kế hoạch, nguyên nhân do vướng công tác giải phóng mặt bằng và công tác cấp phép xây dựng.



PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Nhận định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội năm 2022 được dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là suy thoái chung của nền kinh tế do dịch bệnh Covid 19 vẫn còn tiếp tục kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. HĐQT thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 của Ban Giám đốc trình HĐQT đề thông qua trong kỳ Đại hội này như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Nước ghi thu	m ³	22.018.544
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	198,323
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	51,129
4	Thu nhập bình quân NLD	triệu đồng	10,5

2. Công tác chỉ đạo:

Năm 2023, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

Chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc công ty.

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

Điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng công ty một cách linh hoạt phù hợp trên nguyên tắc chủ động nguồn nước cung cấp, liên kết mạng lưới khu vực đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn phục vụ. Cố gắng giảm chi phí trong giá thành nước, giảm tỷ lệ thất thoát, bảo toàn vốn chủ sở hữu, nộp thuế đầy đủ cho Ngân sách Nhà nước và đảm bảo lợi ích, đời sống cho người lao động.

Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ.

3. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện:

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng cách thực hành tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất kỳ để thảo luận, giám sát kết quả hoạt động của Công ty, đề chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tập trung chỉ đạo trong công tác chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước từ 1-2% so với năm 2022.

Tiếp tục phát triển mạng lưới đường ống, phát huy hết công suất các nhà máy. Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp lại nhân sự với mục tiêu chuyên môn hóa để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHẦN III KẾT LUẬN

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh thuận đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Đến nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận từng bước đã trở thành một trong những đơn vị mạnh ở địa phương đóng góp đáng kể vào ngân sách Tỉnh. Sự phát triển của Công ty là ổn định, bền vững và lâu dài. Có được kết quả này trước hết là sự đồng tâm hợp lực của từng thành viên HĐQT, sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể người lao động Công ty.

HĐQT Công ty trong thời gian qua cũng luôn nhận sự quan tâm, hỗ trợ từ UBND Tỉnh, các Sở ban ngành và những ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn





Số: 76/BC-BKS

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 4 năm 2023



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
NHIỆM KỲ III (2019 – 2024)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh,

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát (BKS), đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Công ty) trong năm 2022 và xây dựng phương hướng hoạt động năm 2023 nhiệm kỳ III (2019 – 2024) như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Bà Bá Bạch Thủy Tiên, Trưởng BKS (Chuyên trách);
- Bà Đinh Lê Ngọc Trâm, Thành viên BKS (Không chuyên trách);
- Bà Vũ Đình Trúc Vi, Thành viên BKS (Không chuyên trách), miễn nhiệm ngày 27/4/2022.

2. Báo cáo kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2022:

a. Thực hiện chế độ kế toán:

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm và được trình bày đúng theo quy định về các biểu mẫu báo cáo, thời gian báo cáo.

- Việc ghi chép, mở sổ sách kế toán được thực hiện theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ-kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, khoa học, dễ truy tìm, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính kịp thời theo đúng quy định của Luật chứng khoán.

b. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Kiểm soát đã thẩm định và thống nhất báo cáo ĐHCĐ như sau:

Ngày 20/12/2022, vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải (gọi tắt là *Đông Mỹ Hải*) đã được Tòa án cấp cao Tp.HCM xét xử và ban hành Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Huy quyết định cá biệt giữa Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải. Bản án phúc thẩm quyết định như sau:

- Từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2019: giá bán buôn nước 2.845 đồng/m³ (bao gồm thuế GTGT); từ ngày 01/10/2019 đến 30/11/2021: giá bán buôn nước 6.000 VND/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT) cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới. Tổng số tiền Đông Mỹ Hải còn phải trả tính từ 01/10/2019 đến 30/11/2021 là 11.767.030.321 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ 01/10/2019 đến 30/11/2021 là 1.560.308.220 đồng (được tính theo lãi tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 6,14%/năm);

- Số tiền thuế VAT còn phải thanh toán là 1.081.045.200 đồng (Thuế GTGT với thuế suất là 5%).

Tuy nhiên, các số liệu tài chính liên quan đến giá bán buôn cho Đông Mỹ Hải, Công ty đã xuất hóa đơn cho Đông Mỹ Hải và ghi nhận doanh thu tiền nước, trích dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi, đóng thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, . . . theo đơn giá tiền nước là 7.000 đồng/m³ kể từ tháng 7/2018 đến ngày 31/12/2022.

Do đó, để thực hiện đúng theo Bản án phúc thẩm số 88/2022/HDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã điều chỉnh các chỉ tiêu tài chính liên quan đến việc điều chỉnh giá bán buôn cho Đông Mỹ Hải từ năm 2018 đến năm 2022 trong báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty với số liệu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Năm	Doanh thu tiền nước	Doanh thu tài chính	Dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi	Dự phòng khoản phải thu tiền lãi khó đòi	Thuế GTGT đầu ra	Thuế TNDN phải nộp
2018	(2.537.731.543)	-	-	-	(126.886.577)	(254.754.059)
2019	(4.584.226.343)	180.035.564	(2.004.306.055)	-	(229.211.317)	(424.882.844)

2020	(1.098.076.666)	720.142.256	(1.815.219.962)	90.017.782	(54.903.833)	23.632.167
2021	(1.146.226.000)	660.130.401	(2.173.380.187)	396.078.241	(57.311.300)	17.427.397
2022	(1.174.280.667)	229.299.149	(1.090.544.849)	528.104.321	(58.714.033)	-
Cộng	(10.540.541.219)	1.789.607.370	(7.083.451.053)	1.014.200.344	(527.027.060)	(638.577.339)

Căn cứ các khoản chênh lệch tăng (giảm) doanh thu, chi phí và các khoản thuế từ năm 2018 đến năm 2021 nêu trên, Công ty điều chỉnh lại số đầu năm 2022 trong Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh.

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số đầu năm trình bày lại (Thực hiện 2021)	Số cuối năm (Thực hiện 2022)	Tỷ lệ (%) (TH ₂₀₂₂ /TH ₂₀₂₁)
A	Tổng tài sản			
I	Tài sản ngắn hạn	211.975	219.069	103%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.206	11.048	178%
2	Đầu tư Tài chính ngắn hạn	164.000	167.000	102%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	29.166	31.992	110%
	<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn của KH</i>	<i>16.334</i>	<i>22.458</i>	<i>137%</i>
4	Hàng tồn kho	8.671	6.342	73%
5	Tài sản ngắn hạn khác	3.932	2.687	68%
II	Tài sản dài hạn	158.979	147.279	93%
1	Tài sản cố định	145.939	121.053	83%
2	Tài sản dở dang dài hạn	8.395	21.941	261%
3	Tài sản dài hạn khác	4.645	4.285	92%
	Tổng cộng tài sản	370.954	366.348	99%
B	Tổng nguồn vốn			
I	Nợ phải trả	160.219	127.395	80%
1	Nợ ngắn hạn	58.587	45.008	77%
2	Nợ dài hạn	101.632	82.387	81%
II	Vốn CSH	210.735	238.953	113%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	94.908	94.908	100%
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.965	1.965	100%
3	Quỹ Đầu tư phát triển	46.047	58.640	127%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	67.815	83.440	123%
	Tổng cộng nguồn vốn	370.954	366.348	99%

Qua số liệu Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán cho thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh và ổn định. Vốn chủ sở hữu luôn được bảo toàn và tăng trưởng qua các năm.

Về công nợ: Công ty luôn mở sổ sách kế toán để quản lý, theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả cho từng khoản mục, từng đối tượng nợ và

thường xuyên tổng hợp, phân tích tình hình công nợ phải thu, phải trả của Công ty. Riêng, nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2022 tăng so với năm 2021 là 6.124 triệu đồng, tỷ lệ tăng 37%. Tính đến ngày 31/12/2022, Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 22.458 triệu đồng, trong đó phải thu của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (*Đông Mỹ Hải*) là 21.135 triệu đồng, đây là khoản phải thu tiền nước và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/10/2019 đến thời điểm 31/12/2022 của Đông Mỹ Hải với mức giá đã được điều chỉnh từ 2.845 đồng/m³ (đã bao gồm thuế GTGT) lên thành mức giá 6.300 đồng/m³ (đã bao gồm thuế GTGT) theo Quyết định của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến hiện tại, Đông Mỹ Hải vẫn chưa thanh toán số tiền này cho Công ty.

c. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021 (Trình bày lại)	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện 2022 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2022	TH 2021
1	Nước ghi thu (M3)	21.150.298	21.2000.00	21.974.595	103,7%	103,9%
2	Tổng doanh thu	196.947	191.263	210.499	110%	107%
a	Doanh thu tiền nước	176.476	179.728	186.381	104%	106%
b	Doanh thu lắp đặt	5.874	5.200	7.323	141%	125%
c	Doanh thu tài chính	9.183	6.000	8.313	139%	91%
d	Doanh thu khác	5.414	335	8.482	2532%	157%
3	Tổng chi phí	137.746	143.205	142.291	99%	103%
a	Giá vốn hàng bán	111.628	117.728	116.125	99%	104%
b	Chi phí HĐTC	6.178	5.257	5.257	100%	85%
c	Chi phí bán hàng	5.749	6.360	5.269	83%	92%
d	Chi phí QLDN	11.788	13.500	12.854	95%	109%
e	Chi phí khác	2.403	360	2.786	774%	116%
4	Lợi nhuận trước thuế	59.201	48.058	68.208	142%	115%
5	Thuế TNDN	7.558	5.862	8.779	150%	116%
6	Lợi nhuận sau thuế	51.643	42.196	59.429	141%	115%

Nhìn chung, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty luôn tăng trưởng ổn định và vượt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đề ra. Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt 210.499 triệu đồng, tương đương 110% so với kế hoạch năm 2022 và tăng trưởng 7% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 59.429 triệu đồng, tương đương 141% so với kế hoạch năm 2022 và tăng trưởng 15% so với thực hiện năm 2021

Với kết quả đạt được trong năm 2022, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành công tác quản trị và điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

d. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	3,62	4,87
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	3,47	4,73
3	Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0,11	0,25
II	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn		
1	Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	0,43	0,35
2	Nợ dài hạn/tổng nguồn vốn	0,27	0,22
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
1	Vòng quay hàng tồn kho	13,27	15,47
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,49	0,53
IV	Lợi nhuận sau thuế		
1	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần (%)	28,32%	30,68%
-2	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân (%) ROE	25,43%	26,43%
3	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%) ROA	13,53%	16,12%

Qua số liệu phân tích nêu trên cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty luôn đảm bảo; Chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn cho thấy tài sản của Công ty được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn Chủ sở hữu, nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng nguồn vốn nên Công ty ít gặp khó khăn hơn trong việc điều hành tài chính của Công ty. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động tăng trưởng qua các năm. Các tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng trưởng và vượt mức so với năm 2021. Đây là kết quả cố gắng cũng như nỗ lực điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát:

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên BKS đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Trong năm 2022, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp

và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Công ty;

- BKS đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát: đã cử thành viên tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT; đại diện BKS cũng tham dự các cuộc họp của Ban Giám đốc và một số cuộc họp khác có liên quan để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành tại Công ty;

- Thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động năm 2022 của BKS, bao gồm: Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện, kiểm soát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động trong Công ty;

- Thẩm định hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 nhiệm kỳ III (2019 – 2024), gồm những nội dung sau:

+ Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021;

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021;

+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

+ Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký của Công ty năm 2021 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Công ty năm 2022;

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022;

- Xem xét, lựa chọn và đề xuất đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;

- Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo tính trung thực, đầy đủ và tuân thủ theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS;

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường của BKS để soát xét, thảo luận và đánh giá hoạt động của Công ty.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

a. Tiền lương, thù lao và thưởng của BKS năm 2022:

Tổng tiền lương, thù lao và thưởng của Ban Kiểm soát năm 2022 là 512.302.436 đồng, cụ thể như sau:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thù lao (đồng)	Ghi chú
1	Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng ban	431.606.436	TV chuyên trách
2	Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	60.522.000	TV không chuyên trách

3	Bà Vũ Đình Trúc Vi	Thành viên	20.174.000	TV không chuyên trách (Miễn nhiệm ngày 27/4/2022)
Tổng cộng			512.302.436	

b. Chi phí của BKS năm 2022: Áp dụng theo quy định chi tiêu nội bộ của Công ty.

5. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Số buổi họp: 10 buổi; Tỷ lệ tham dự: 100%; Tỷ lệ biểu quyết: 100%.
Trong năm 2022, BKS đã tổ chức 10 cuộc họp với những nội dung như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung họp	Số thành viên tham dự
1	10/01/2022	Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
2	01/02/2022	Lấy ý kiến thông qua các nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
3	03/3/2022	Thông qua kết quả thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Người quản lý và Người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
4	21/3/2022	Thẩm định hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
5	22/3/2022	Thông qua kết quả thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của Người quản lý và Người lao động thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
6	05/4/2022	Thông qua các nội dung báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019 – 2024) của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	3/3 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
7	28/6/2022	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm 2022 của	2/2 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.

		Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận tại Thông báo số 62/TB-BKS ngày 01/6/2022.	
8	28/9/2022	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận tại Thông báo số 65/TB-BKS ngày 22/8/2022.	2/2 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
9	15/11/2022	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.	2/2 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.
10	09/12/2022	Thông qua các nội dung báo cáo trình Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty về kết quả kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 của Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận tại Thông báo số 68/TB-BKS ngày 14/11/2022.	2/2 thành viên tham dự họp Ban kiểm soát.

6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

a. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó: không có giao dịch;

b. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Từ năm 2020 đến năm 2022, Công ty đã ký 04 hợp đồng giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH TM & XD Sơn Long Thuận do ông Đinh Ân làm Giám đốc (Hiện nay, ông Đinh Ân là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Cấp Nước Ninh Thuận). Về cơ bản, các giao dịch trên được thực hiện

phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được HĐQT thống nhất thông qua tại các nghị quyết của HĐQT, cụ thể như sau:

- Năm 2020: Không có giao dịch;
- Năm 2021: Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 426/NQ-HĐQT ngày 27/4/2021 thông qua việc lựa chọn đơn vị ký hợp đồng tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Nghị quyết số 435/NQ-HĐQT ngày 08/6/2021 thông qua việc chấp thuận Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH TM & XD Sơn Long Thuận;
- Năm 2022: Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 484/NQ-HĐQT ngày 07/3/2022 thông qua việc chấp thuận Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH TM & XD Sơn Long Thuận và Nghị quyết số 512/NQ-HĐQT ngày 18/4/2022 thông qua việc lựa chọn đơn vị ký hợp đồng tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong năm 2022 Ban kiểm soát đã kiểm soát, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

a. Đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp, thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản trị Công ty trong phạm vi, thẩm quyền của Hội đồng quản trị, được thể hiện cụ thể như:

- Hội đồng quản trị luôn sát cánh với Ban Giám đốc trong hoạt động thường xuyên của Công ty để phối hợp, hỗ trợ, giám sát và đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chỉ đạo giải quyết mọi vấn đề quan trọng phát sinh được thể hiện qua các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 39 Nghị quyết và Quyết định, thông qua hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Tổ chức họp định kỳ và bất thường; ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và giao cho Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện;

- Kiểm tra, thẩm định và đưa ra các quyết sách quan trọng trong việc đầu tư các dự án;

- Chỉ đạo công tác quản lý nhân sự; giải quyết tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch đề ra.

b. Kết quả giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện đúng theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy chế của Công ty. Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành; triển khai thực hiện nghiêm túc các định hướng chiến lược của Đại hội đồng cổ đông và các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy chế, quy định, các nguyên tắc hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý dự án, đầu tư, doanh thu, chi phí, tổ chức nhân sự.... góp phần làm tăng lợi nhuận năm 2022 vượt mức so với kế hoạch đã đề ra;

- Mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết;

- Công tác Tài chính Kế toán tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, thực hiện tốt các chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng cho các Sở, ban ngành theo đúng quy định.

8. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý của Công ty:

Trong năm 2022, giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý cơ bản luôn duy trì tốt mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được thực hiện phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Hội đồng quản trị đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để góp ý kiến với Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều được mời tham dự, thông qua đó Ban kiểm soát có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 NHIỆM KỲ III (2019-2024):

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;

2. Kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

3. Tổ chức họp định kỳ và bất thường (khi cần thiết);

4. Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Công ty;

5. Kiểm soát công tác tài chính kế toán, báo cáo tài chính quý, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch và tiền lương thực hiện, kiểm soát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động trong Công ty;

6. Thẩm định hồ sơ trình ĐHCĐ thường niên hàng năm;

7. Thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

8. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

9. Phát huy hơn nữa việc phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT, Ban Giám đốc Công ty trong tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2023 nhiệm kỳ III (2019-2024).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- TV Ban kiểm soát C.ty;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký C.ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Bá Bạch Thủy Tiên



BÁO CÁO

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Thực hiện 2022/kế hoạch 2022
1	Nước ghi thu	m ³	21.200.000	21.974.595	103,65 %
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	191.263	210.499	110,06 %
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	48.058	68.208	141,93 %
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	42.196	59.429	140,84 %
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	223.499	238.953	106,91 %
6	Tổng Tài sản	Triệu đồng		366.348	
7	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%		24,87	
8	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%		16,22	

Sau một năm triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với sự nỗ lực hết mình của toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra, đồng thời mở ra nhiều hướng đi mới tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

2. Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và kết quả đạt được:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty đã không ngừng cố gắng để thực hiện các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Năm 2022, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những mặt thuận lợi và khó khăn như sau:

*** Thuận lợi:**

- Trong năm qua Công ty luôn nhận được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các Sở, ngành chức năng và sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động, cùng cố mối quan hệ lao động hài hoà tiến bộ, công khai, minh bạch đã tạo đồng thuận và là động lực quan trọng giúp Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Đội ngũ Cán bộ công nhân viên, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao, chủ động khắc phục khó khăn; có ý thức chấp hành pháp luật, quy trình, quy tắc, nội quy, quy chế của đơn vị; luôn giữ sự đoàn kết, thống nhất, yên tâm làm việc, xây dựng đơn vị ổn định và phát triển;

- Hệ thống cấp nước tại các đô thị hoạt động ổn định;

- Các Nhà máy sản xuất đã được cải tạo, đầu tư nâng cấp, qua đó tăng công suất năng lực cấp nước đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng;

- Công tác phát triển mạng lưới, phát triển khách hàng được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận với dịch vụ cấp nước, góp phần tăng sản lượng nước và doanh thu;

- Công tác giải quyết các yêu cầu lắp mới, nâng, dời, kiểm định đồng hồ nước được thực hiện đúng quy trình, đúng thời gian quy định, đảm bảo hài lòng khách hàng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị.

*** Khó khăn:**

- Các nhà máy nước qua thời gian dài sử dụng đã có tình trạng quá tải. Hệ thống cấp nước do các đơn vị ngoài công ty đầu tư chưa đồng bộ, gây khó khăn về mặt áp lực nước cung cấp cho các hộ khách hàng;

- Do ảnh hưởng bởi bất ổn chính trị giữa Nga – Ukraine, biến động giá xăng, dầu,... làm cho đơn giá một số chủng loại vật tư phục vụ công tác lắp đặt và hóa chất xử lý nước tăng cao, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Từ cuối quý 3 trở đi, bắt đầu xuất hiện những cơn mưa khiến cho nguồn nước thô cung cấp cho các Nhà máy có độ đục cao gây khó khăn trong việc sản xuất nước sạch do đó làm tăng chi phí xử lý nước;

- Các công trình trên địa bàn tỉnh đang được triển khai đồng bộ, đồng loạt gây ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước của công ty làm tăng chi phí sửa chữa và tỷ lệ thất thoát;

- Trong quá trình thực hiện dự án cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m³/ngày đêm lên 120.000 m³/ngày đêm vẫn đang gặp một số khó khăn như:

+ Tiến độ thu hồi đất và giải phóng mặt bằng còn chậm nguyên nhân do việc xác minh tính pháp lý về nguồn gốc đất của các hộ dân gặp khó khăn như các hộ dân giao dịch mua bán đất đai qua nhiều lần và không có thực hiện chuyển đổi tên người sử dụng đất.

+ Tiến độ xin phê duyệt phương án vay vốn còn chậm.

- Dự án Xây dựng Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho Khu Công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển bên cạnh những kết quả đạt được, còn nhiều vướng mắc nên dự án chưa được triển khai thi công các hạng mục tại vị trí khu đất được giao.

Đến nay, công tác đền bù và giải phóng mặt bằng trên khu đất được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại văn bản số 4522/UBND-KTTH ngày 19/10/2018 đã thực hiện thu hồi đất của 07 hộ gia đình cá nhân và 01 tổ chức, còn lại 01 hộ gia đình chưa chấp thuận nhận tiền đền bù để di dời. Việc này làm ảnh hưởng đến việc khởi công xây dựng các hạng mục của dự án.

3. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Công ty đã thực hiện đầu tư một số công trình để đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng ngày càng cao như:

*** Xây dựng cơ bản:**

- Việc sử dụng vốn đầu tư vào công tác phát triển sản xuất, mở rộng mạng lưới cấp nước có hiệu quả, nâng cao được công suất khai thác cho các Nhà máy nước, phát triển thêm số hộ khách hàng sử dụng nước.

- Danh mục các công trình đã thực hiện và mua sắm trang thiết bị, máy móc trong năm 2022:

+ Cải tạo, sửa chữa, di dời hệ thống cấp nước dọc hai bên đường đôi vào TP PRTC (đoạn phía Nam) phục vụ nâng cấp mở rộng đường;

+ Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của các Nhà máy: Tháp Chàm, Tân Sơn và Phước Dân;

+ Cải tạo, sửa chữa, thay thế tuyến ống các khu vực Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Sơn, Ninh Phước và Thuận Nam;

+ Lắp điều khiển từ xa trạm Trạm tăng áp Phước Dân; Trạm tăng áp Khánh Nhơn;

+ Xây nhà để xe khách hàng và Mở rộng nhà để xe ô tô Công ty;

+ Trang bị một số máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh như: Máy lạnh công nghiệp Package đặt sàn DAIKIN, Máy hàn thủy lực 90-315, Thiết bị Firewall WatchGuard WGM37031 và hệ thống mạng, Khởi động mềm 3P 110KW - Trạm tăng áp Phan Rang, Biến tần 3P 380VAC 132KW - Trạm tăng áp Phan Rang.

Các hạng mục XD/CB sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy tốt hiệu quả, qua đó tăng được sản lượng nước, chất lượng nước ổn định;... Việc mua sắm vật tư sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, trang bị dụng cụ lao động theo đề xuất của các đơn vị trực thuộc của Công ty luôn đảm bảo chất lượng, nhanh chóng và giá thành hợp lý. Các máy móc, trang thiết bị sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả trong việc đảm bảo an toàn bảo mật mạng nội bộ Công ty, duy trì tính ổn định của máy móc và đảm bảo hoạt động liên tục của các trạm, nhà máy để đáp ứng nhu cầu về áp lực cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

4. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

a. Các khoản phải thu:

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải thu cho từng khoản mục, từng đối tượng. Định kỳ 6 tháng Công ty có đối chiếu xác nhận công nợ.

Đối với khoản phải thu tiền nước, thu tiền lắp đặt hệ thống nước, cắt đầu nước được thực hiện theo đúng quy định của Công ty và được đối chiếu hàng tháng giữa các phòng ban và nhà máy trong Công ty.

Đối với khoản phải thu nội bộ của Công ty các cá nhân, bộ phận đã làm thủ tục hoàn trả ngay sau khi thực hiện xong công việc.

Đối với các khoản phải thu khác ngoài Công ty, Công ty thường xuyên đơn đốc, đối chiếu xác nhận và thu hồi công nợ.

Đối với khoản nợ phải thu khó đòi Công ty trích lập dự phòng theo quy định và phân công cho từng phòng, nhà máy và cá nhân liên quan đến các khoản nợ phải thu chịu trách nhiệm và tích cực đơn đốc thu hồi nợ.

Riêng, công nợ phải thu của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải, Công ty thực hiện theo Bản án số 88/2022/HDTM-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Hội quyết định cá biệt giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: *“Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT) cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới.”*

Căn cứ kết quả xét xử tại Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT thì từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2019, Công ty thực hiện giá bán buôn cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 2.845 đồng/m³ (đã bao gồm VAT) theo Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ và từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới, Công ty thực hiện giá bán buôn theo giá có VAT là 6.300 đồng/m³.

Tính đến ngày 31/12/2022, nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 22.458.556.148 đồng, trong đó nợ phải thu của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 21.134.625.820 đồng (bao gồm: nợ tiền nước là 19.345.018.450 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 1.789.607.370 đồng). Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải vẫn chưa thanh toán khoản tiền này cho Công ty. Công ty đã làm đơn gửi Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận về khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải liên quan đến kết luận của bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT và tiếp tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP.Phần Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận về số nợ phát sinh của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải từ tháng 12/2021 đến tháng 03/2023.

b. Các khoản phải trả:

Công ty theo dõi chi tiết các khoản phải trả cho từng khoản mục, từng đối tượng.

Đối với khoản nợ vốn vay cho dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt ADB3, Công ty đã thực hiện trả nợ và lãi vay theo đúng thời hạn trả nợ trong hiệp định vay.

Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021 và Công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09/11/2022, UBND tỉnh Ninh Thuận thống nhất đề xuất của Sở Tài chính tỉnh về xử lý số tiền Công ty đã trích khấu hao của Hệ thống cấp nước Cà Ná – Gói thầu NT4/A/10/ICB thuộc Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, Tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận theo hướng: tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Tính đến 31/12/2022, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 25.796.817.143 đồng (*năm 2021 đã nộp số tiền 14.000.000.000 đồng, năm 2022 đã nộp số tiền 11.796.817.143 đồng*).

Các khoản thuế, phí, lệ phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn Công ty đã nộp theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo và nộp tiền vào ngân sách nhà nước đúng theo quy định.

II. Công tác lao động – tiền lương:

1. Công tác lao động:

Công ty đã luôn quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, thực hiện tái ký hợp đồng lao động cho người lao động đủ điều kiện.

2. Công tác tiền lương, tiền thưởng – thu nhập:

Trong năm 2022, Công ty đã quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của người lao động, người quản lý, thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thực hiện thanh toán lương, thưởng cho người lao động, người quản lý, thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo đúng quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

3. Công tác pháp chế và an toàn lao động:

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hàng tháng Công ty tổ chức họp giao ban để chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị, tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại giữa người lao động với lãnh đạo các phòng ban trong Công ty. Thông qua Hội nghị đối thoại, giúp cho ban lãnh đạo Công ty nắm bắt và thấu hiểu những trăn trở, bức xúc của CBCNV, người lao động để giải quyết và khắc phục những thiếu sót, tồn tại, cũng như ghi nhận các ý kiến đóng góp để điều chỉnh các quy định, chính sách nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

- Công ty đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo an toàn lao động cho người lao động, trang bị đầy đủ và đúng chế độ các trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Đồng thời, mua bảo hiểm kết hợp con người cho toàn bộ người lao động;

- Về kiểm tra an toàn - bảo hộ lao động: thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động ở các Nhà máy và các công trình. Qua kiểm tra cho thấy các đơn vị đã chấp hành đầy đủ các quy định về ATVS-LĐ theo đúng quy định, không có trường hợp vi phạm nào nghiêm trọng phải lập biên bản nhắc nhở, khắc phục;

- Đảm bảo bảo vệ trật tự, an ninh, phòng cháy chữa cháy tại các văn phòng, nhà máy, kho bãi công ty thực hiện tốt, không để xảy ra sự cố trong năm;

- Giải quyết khiếu nại tố cáo: không có.

4. Công tác thi đua - khen thưởng:

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Khối thi đua Doanh nghiệp I, bộ phận phụ trách công tác Thi đua – Khen thưởng Công ty đã tích cực tham mưu cho Ban Lãnh đạo thực hiện việc đăng ký nội dung và danh hiệu thi đua năm 2022; tổ chức, phát động các phong trào thi đua hưởng ứng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước gắn với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Công tác thi đua khen thưởng luôn được quan tâm, hàng quý có bình bầu thi đua, cuối năm chọn ra các nhân tố tích cực, qua đó tạo động lực cho CBCNV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ đó khuyến khích thi đua toàn Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả năm 2022, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận tặng Bằng khen, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Đánh giá chung:

- Năm 2022, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Các biện pháp xây dựng để thực hiện nhiệm vụ được áp dụng đầy đủ và toàn diện;
- Nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;
- Các khoản chi tiêu đúng chính sách chế độ và tiết kiệm, sử dụng vật tư và lao động hợp lý;
- Việc sử dụng vốn đầu tư, quản lý tài sản được quan tâm, quản lý chặt chẽ, đa số tài sản đều phát huy công suất, hiệu quả góp phần tăng doanh thu cho Công ty. Việc thu chi đúng đối tượng và kịp thời tạo điều kiện hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh;
- Công tác thực hiện phát triển, lắp đặt hộ khách hàng mới kịp thời theo tiến độ mở mạng, khâu thủ tục hồ sơ và chỉ đạo thi công kịp thời và phù hợp, rút ngắn thời gian tiếp cận dịch vụ cấp nước của khách hàng, tạo mọi điều kiện cho khách hàng được sử dụng nước.

B. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2023:

1. Tình hình chung:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Phát triển thêm nhiều khu vực phục vụ khách hàng để tăng sản lượng. Chú trọng các giải pháp chống thất thoát, phấn đấu năm 2023 hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra;
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty;
- Tiếp tục phát triển mạng lưới, phát huy hết công suất các nhà máy. Hoàn thành các dự án Cải tạo và nâng cấp nhà máy nước Tân Sơn, nhà máy nước Tháp Chàm, một phần dự án Trạm bơm tăng áp số 2 nhằm tăng năng lực cấp nước; cải tạo mạng ống cũ, tăng cường quản lý chống thất thoát, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2023 xuống còn ≤ 20 .

2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh:

2.1 Về công tác xây dựng cơ bản:

- Đẩy mạnh triển khai các dự án nâng cấp cải tạo nâng công suất các Nhà máy trực thuộc Công ty;
- Thực hiện đầu tư các hệ thống Scada, hệ thống điều khiển từ xa, hệ thống tự động hoá nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giám sát, quản lý vận hành;
- Mở rộng mạng lưới tại các khu vực phù hợp quy hoạch để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn quản lý;

362
TY
HÀN
NƯỚC
THỤ
CHAM

- Cải tạo, sửa chữa các hạng mục tại các Nhà máy và văn phòng Công ty tạo môi trường làm việc khang trang, sạch đẹp, tăng vẻ mỹ quan Công ty;
- Cải tạo hệ thống cấp nước cũ, giảm tỷ lệ thất thoát nước;
- Thực hiện mua sắm theo đúng thủ tục của Nhà nước;
- Quản lý tốt việc xuất, nhập vật tư, hóa chất xử lý nước;
- Tiếp tục triển khai các dự án như: Công trình cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tháp Chàm công suất 52.000 m³/ngày đêm lên 120.000 m³/ngày đêm; Nâng cấp Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000 m³/ngày đêm; Xây dựng Trạm bơm tăng áp 2 công suất 36.000 m³/ngày đêm; Phối hợp với các chủ đầu tư Dự án, đầu tư đường ống cấp nước cho khu công nghiệp Du Long, cho các dự án du lịch khu vực Sơn Hải, Mũi Dinh và các dự án năng lượng tái tạo, các khách hàng lớn,...;
- Tiếp tục thực hiện cải tạo các tuyến ống cũ để tăng năng lực cấp nước, từng bước thay toàn bộ ống STK cũ để giảm thất thoát.

2.2 Chất lượng nước:

- Tăng cường kiểm soát chất lượng nước thô, nước sạch tại các nhà máy;
- Lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy và mạng lưới.

2.3 Giảm thất thoát - thất thu:

- Phần đầu đạt tỷ lệ thất thoát dưới 18% trong vài năm đến, phát huy hiệu quả hoạt động của phòng Quản lý mạng lưới;
- Lắp đặt một số đồng hồ kiểm soát thất thoát mạng lưới các khu vực, các nhà máy;
- Tăng cường công tác kiểm tra, gắn hiệu quả giảm thất thoát thất thu với chế độ khen thưởng hợp lý;
- Xây dựng kế hoạch, tập trung các nguồn lực cho chống thất thoát;
- Tăng cường quản lý công tác ghi chỉ số đồng hồ;
- Duy trì hạ thấp mức tồn thu.

2.4 Nâng cao chất lượng dịch vụ:

- Tăng cường, cải tiến hoạt động của các nhóm chăm sóc khách hàng, kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố và các kiến nghị của khách hàng;
- Nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên, đào tạo các nhân viên tiếp xúc với khách hàng luôn có thái độ thân thiện, hỗ trợ khách hàng;
- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp chương trình GIS để tăng cường công tác quản lý;
- Nâng cấp chương trình eBilling để nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng dịch vụ;

- Tổ chức, xây dựng phương thức ghi thu tiền nước mới nhằm tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả và tiếp tục triển khai việc thu tiền nước qua các ngân hàng, qua các đại lý thu nhờ thu;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin khách hàng;

- Duy trì hoạt động ổn định cho các nhà máy nước, khai thác tốt năng lực của máy móc thiết bị hiện có.

2.5 Quản lý đầu tư:

- Tăng cường công tác quản lý đầu tư, đảm bảo hiệu quả đúng quy định;

- Tăng cường chất lượng thi công, chất lượng tư vấn thiết kế, giám sát.

2.6 Các vấn đề khác:

- Ổn định môi trường làm việc, nâng cao mức thu nhập cho cán bộ công nhân viên;

- Sắp xếp bộ máy quản lý phù hợp với thực tế sản xuất, thực hiện tốt nội quy, quy chế của Công ty, áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành;

- Duy trì các hoạt động văn hóa, xã hội tạo môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

3. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2023
1	Nước ghi thu	m ³	22.018.544
2	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	198.323
	- Nước ghi thu	Triệu đồng	186.755
	- Lắp đặt	Triệu đồng	5.200
	- Tài chính + khác	Triệu đồng	6.368
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	51.129
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	44.549
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	239.255

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NINH THUẬN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 590/TT- HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ninh Thuận, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NINH THUẬN**

Số: 2257/CNNT

Về việc giải trình vấn đề nhân
mạnh của kiểm toán và điều chỉnh
hồi tố trong Báo cáo tài chính
năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trước tiên, Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (mã chứng khoán: NNT) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý cơ quan và chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 và ý kiến nhân mạnh của kiểm toán về bản án phúc thẩm liên quan đến tranh chấp giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải: *"Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và phân loại lại một số số liệu của Báo cáo tài chính các năm trước theo Kết luận của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDMT-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải ("Đông Mỹ Hải"), đồng thời cho đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ phải thu Đông Mỹ Hải liên quan đến kết luận của bản án phúc thẩm này đang được Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận thực hiện thu hồi từ Đông Mỹ Hải theo Quyết định số 69/QĐ-CTHADS ngày 06/02/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này."*

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là Công ty) xin giải trình về vấn đề nhân mạnh của kiểm toán và điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 như sau:

Từ tháng 7/2018 đến ngày 31/12/2021, Công ty đã ghi nhận doanh thu tiền nước, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, trích dự phòng khoản phải thu tiền nước khó đòi, tính thuế thu nhập doanh nghiệp,... theo đơn giá tiền nước là 7.000 đồng/m³ và được thể hiện trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2018 đến năm 2021.

Tuy nhiên, theo kết quả xét xử tại Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT, từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2019, Công ty thực hiện giá bán buôn cho Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải là 2.845 đồng/m³ (đã bao gồm VAT) theo Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ và từ ngày 01/10/2019 cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới, Công ty thực hiện giá bán buôn theo giá có VAT là 6.300 đồng/m³.

Do đó, để thực hiện đúng theo Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và trình bày lại các khoản mục có liên quan đến các giao dịch với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải như: doanh thu tiền nước, doanh thu tài chính, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, trích dự phòng khoản phải thu khó đòi, thuế thu nhập doanh nghiệp,... trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh từ năm 2018 đến năm 2021 và thể hiện điều chỉnh hồi tố này trong Báo cáo tài chính năm 2022.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về vấn đề nhận mạnh của kiểm toán và điều chỉnh hồi tố trong Báo cáo tài chính năm 2022.

Trân trọng kính báo./.

(Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Đinh Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch
Ông Đinh Ân	Thành viên
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đinh Ân	Giám đốc
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Bá Bạch Thủy Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	
Bà Vũ Đình Trúc Vi	Thành viên	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đinh Ân – Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

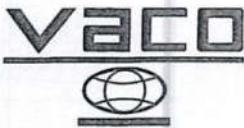
Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đình Ân
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 064/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và phân loại lại một số số liệu của Báo cáo tài chính các năm trước theo Kết luận của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDMT-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước giữa Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải ("Đông Mỹ Hải"), đồng thời cho đến thời điểm hiện tại, khoản công nợ phải thu Đông Mỹ Hải liên quan đến kết luận của bản án phúc thẩm này đang được Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Thuận thực hiện thu hồi từ Đông Mỹ Hải theo Quyết định số 69/QĐ-CTHADS ngày 06/02/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.069.091.764	211.975.793.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.047.541.390	6.205.808.164
1. Tiền	111	4	11.047.541.390	6.205.808.164
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		167.000.000.000	164.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	167.000.000.000	164.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.992.141.893	29.166.508.998
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.458.556.148	16.334.443.077
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.000.000	31.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.063.962.966	16.828.551.163
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.555.377.221)	(4.027.485.242)
IV. Hàng tồn kho	140	9	6.342.432.828	8.671.003.293
1. Hàng tồn kho	141		6.342.432.828	8.671.003.293
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.686.975.653	3.932.472.699
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	321.348.679	392.423.168
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.365.626.974	3.540.049.531
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.279.169.361	158.978.885.253
I. Tài sản cố định	220		121.052.673.571	145.938.728.943
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	121.037.539.741	145.740.427.379
- Nguyên giá	222		473.249.775.478	470.760.122.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.212.235.737)	(325.019.695.403)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	15.133.830	198.301.564
- Nguyên giá	228		2.832.118.363	2.832.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.816.984.533)	(2.633.816.799)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.941.036.409	8.395.080.151
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	21.941.036.409	8.395.080.151
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.285.459.381	4.645.076.159
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.285.459.381	4.645.076.159
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		366.348.261.125	370.954.678.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		127.395.024.101	160.218.779.086
I. Nợ ngắn hạn	310		45.008.124.156	58.587.103.948
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.834.880.863	3.828.949.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.345.802.598	852.006.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	507.440.708	-
4. Phải trả người lao động	314		4.335.320.989	3.796.111.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	695.722.358	5.896.491.714
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.580.181.811	25.824.233.762
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	15.144.245.028	15.144.245.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.564.529.801	3.245.066.321
II. Nợ dài hạn	330		82.386.899.945	101.631.675.138
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	21.069.799.147	25.170.329.312
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	61.316.491.709	76.460.736.737
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.953.237.024	210.735.899.321
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	238.953.237.024	210.735.899.321
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.639.647.492	46.047.345.680
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.440.034.616	67.814.998.725
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.131.117.933	17.162.012.527
- LNST chưa PP năm nay	421b		59.308.916.683	50.652.986.198
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		366.348.261.125	370.954.678.407



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	68.207.516.442	59.200.833.456
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.375.708.068	28.073.995.330
- Các khoản dự phòng	03	3.527.891.979	2.595.594.507
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.313.005.529)	(9.183.177.502)
- Chi phí lãi vay	06	5.256.997.644	6.178.272.543
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	96.055.108.604	86.865.518.334
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.082.659.571)	(4.622.508.107)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.556.086.896	(1.024.040.907)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.145.205.503)	(22.541.281.073)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	430.691.267	1.806.515.145
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.338.052.101)	(6.262.819.214)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.613.563.236)	(6.000.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.162.433.300)	(8.241.050.470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.699.973.056	39.980.333.708
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(15.263.125.385)	(9.249.654.775)
2. Tiền chi cho vay	23	(215.000.000.000)	(171.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	212.000.000.000	167.012.400.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.213.983.083	9.096.666.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.049.142.302)	(4.140.587.946)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.664.852.500)	(23.738.892.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.809.097.528)	(38.883.137.528)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.841.733.226	(3.043.391.766)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.205.808.164	9.249.199.930
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	11.047.541.390	6.205.808.164



Đinh Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty Cấp nước Ninh Thuận theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ tư theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13 tháng 6 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 272 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 273 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Tài sản cố định vô hình khác	03-25

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với Chính sách Kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa đường ống, chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

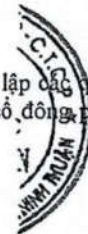
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm tài chính đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính: thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa). Công ty đáp ứng các điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, Vì vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	100.183.400	120.609.800
Tiền gửi ngân hàng	10.947.357.990	6.085.198.364
Cộng	<u>11.047.541.390</u>	<u>6.205.808.164</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	19.345.018.450	13.264.646.118
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (i)	1.789.607.370	1.560.308.221
Khách hàng dùng nước	1.111.130.368	1.316.904.278
Các đối tượng khác	212.799.960	192.584.460
Cộng	<u>22.458.556.148</u>	<u>16.334.443.077</u>

- (i) Đây là khoản phải thu tiền nước và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/10/2019 đến thời điểm 31/12/2022 của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải ("Đông Mỹ Hải") với mức giá đã được điều chỉnh từ 2.845 VND/m³ (đã bao gồm thuế GTGT) lên thành mức giá 6.000 VND/m³ (chưa bao gồm Thuế GTGT) theo Quyết định của Bản án Phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 của Tòa Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (xem Thuyết minh số 31). Đến hiện tại, Đông Mỹ Hải vẫn chưa thanh toán số tiền này cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬNSố 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (i)	13.028.161.367	13.028.161.367
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	279.689.284	38.272.731
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.220.915.079	3.351.191.782
Tạm ứng	57.152.000	7.650.000
Phải thu khác	478.045.236	403.275.283
Cộng	17.063.962.966	16.828.551.163

- (i) Đây là phần tiền đối ứng của Công ty chuyển cho Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận để thực hiện công trình Hệ thống cấp nước Cà Ná. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán (Xem thêm Thuyết minh số 17).

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	19.345.018.450	5.770.757.945	13.264.646.118	2.711.702.416
Tiền lãi chậm thanh toán - Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.789.607.370	1.014.200.344	1.560.308.221	576.113.805
Khách hàng dùng nước	1.111.130.368	675.101.371	1.316.904.278	644.351.460
Các khách hàng khác	95.317.561	95.317.561	95.317.561	95.317.561
Cộng	22.341.073.749	7.555.377.221	16.237.176.178	4.027.485.242

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.843.165.806	-	4.882.392.668	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	489.394.958	-	2.591.620.275	-
Hóa chất tồn kho cuối năm	1.009.872.064	-	1.196.990.350	-
Cộng	6.342.432.828	-	8.671.003.293	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	144.696.358	57.365.620
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản khác	176.652.321	223.204.048
Bảo hiểm kết hợp con người	-	111.853.500
Cộng	321.348.679	392.423.168
b) Dài hạn		
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ miễn phí	3.798.735.101	4.237.096.799
Công cụ dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	274.350.812	339.732.189
Chi phí sửa chữa tài sản khác	212.373.468	68.247.171
Cộng	4.285.459.381	4.645.076.159

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	822.893.096	5.079.450.427	4.632.595.342	376.038.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.128.857	8.778.599.759	7.613.563.236	53.092.334
Thuế thu nhập cá nhân	66.731.260	546.204.351	546.204.351	66.731.260
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	106.789.920	863.188.520	863.078.480	106.679.880
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.325.506.398	2.665.189.834	3.102.768.925	1.763.085.489
Cộng	3.540.049.531	17.932.632.891	16.758.210.334	2.365.626.974
b) Các khoản phải nộp				
Phí dịch vụ thoát nước	-	5.927.808.742	5.420.368.034	507.440.708
Thuế nhà đất	-	19.151.388	19.151.388	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	-	5.955.960.130	5.448.519.422	507.440.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	63.282.901.397	35.110.394.884	370.647.401.992	1.166.149.799	553.274.710	470.760.122.782
- Mua trong năm	-	328.104.222	-	87.000.000	-	415.104.222
- Tăng từ XDCB hoàn thành	1.662.150.747	412.397.727	-	-	-	2.074.548.474
Số dư cuối năm	64.945.052.144	35.850.896.833	370.647.401.992	1.253.149.799	553.274.710	473.249.775.478
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	35.450.959.033	25.895.274.998	262.344.210.009	775.976.653	553.274.710	325.019.695.403
- Khấu hao trong năm	4.182.652.858	2.035.735.955	20.854.917.835	119.233.686	-	27.192.540.334
Số dư cuối năm	39.633.611.891	27.931.010.953	283.199.127.844	895.210.339	553.274.710	352.212.235.737
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	27.831.942.364	9.215.119.886	108.303.191.983	390.173.146	-	145.740.427.379
Tại ngày cuối năm	25.311.440.253	7.919.885.880	87.448.274.148	357.939.460	-	121.037.539.741

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 84.358.580 VND (tại ngày 31/12/2021 là 81.811.996.025 VND) và nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 13.202.064.119 VND (tại ngày 31/12/2021 là 13.202.064.119 VND). Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 1.189.772.322 VND (tại ngày 31/12/2021: 1.518.866.113 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phân mềm máy tính</u>	<u>Quyên khai thác nước mặt</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	<u>1.817.072.000</u>	<u>466.500.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.832.118.363</u>
Số dư cuối năm	<u>1.817.072.000</u>	<u>466.500.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.832.118.363</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	<u>1.761.938.174</u>	<u>323.332.262</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.633.816.799</u>
- Khấu hao trong năm	<u>39.999.996</u>	<u>143.167.738</u>	<u>-</u>	<u>183.167.734</u>
Số dư cuối năm	<u>1.801.938.170</u>	<u>466.500.000</u>	<u>548.546.363</u>	<u>2.816.984.533</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>55.133.826</u>	<u>143.167.738</u>	<u>-</u>	<u>198.301.564</u>
Tại ngày cuối năm	<u>15.133.830</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.133.830</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.563.294.363 VND (tại ngày 31/12/2021 là 2.096.794.363 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng không còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 148.824.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là 148.824.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m3/ngày đêm	18.496.470.954	6.839.266.572
Nâng công suất Nhà máy nước Tháp Chàm	2.232.822.289	688.534.644
Di dời tuyến ống cấp nước dọc 2 bên đường đôi vào TP.PR-TC	1.133.957.499	398.668.597
Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc NMN Tháp Chàm	-	420.831.824
Các công trình khác	77.785.667	47.778.514
Cộng	<u>21.941.036.409</u>	<u>8.395.080.151</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	1.395.428.400	1.395.428.400	1.319.165.100	1.319.165.100
Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	1.805.028.445	1.805.028.445	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sông Dinh	696.518.338	696.518.338	160.007.807	160.007.807
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu Thái Đạt	-	-	692.340.000	692.340.000
Công ty TNHH Long Vịnh	-	-	147.371.441	147.371.441
Các đối tượng khác	<u>2.937.905.680</u>	<u>2.937.905.680</u>	<u>1.510.065.288</u>	<u>1.510.065.288</u>
Cộng	<u>6.834.880.863</u>	<u>6.834.880.863</u>	<u>3.828.949.636</u>	<u>3.828.949.636</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	395.541.790	480.088.454
Chi phí di dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A	-	3.320.876.356
Chi phí di dời đoạn đường ống Quốc lộ 1A theo hình thức hợp đồng BOT	-	1.866.168.719
Chi phí khác	300.180.568	229.358.185
Cộng	<u>695.722.358</u>	<u>5.896.491.714</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Khoản đền bù di dời các tuyến ống nước (i)	12.643.420.000	17.512.522.357
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	-	7.696.286.978
Cổ tức phải trả	133.705.433	71.455.433
Các khoản phải trả khác	803.056.378	543.968.994
Cộng	<u>13.580.181.811</u>	<u>25.824.233.762</u>
b) Dài hạn		
Ban Quản lý dự án Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (ii)	21.069.799.147	25.170.329.312
Cộng	<u>21.069.799.147</u>	<u>25.170.329.312</u>

- (i) Đây là khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống nước dọc hai bên bờ Vĩnh Hy – Ninh Chữ (thuộc dự án ven biển tỉnh Ninh Thuận) với số tiền 12.643.420.000 VND theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- (ii) Đây là giá trị xây dựng và cung cấp thiết bị của Hệ thống cấp nước Cà Ná do Công ty khai thác, vận hành và được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/6/2014 với tổng nguyên giá là 46.866.616.290 VND. Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021 và Công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09/11/2022, UBND tỉnh Ninh Thuận thống nhất đề xuất của Sở Tài chính tỉnh về xử lý số tiền Công ty đã trích khấu hao theo hướng: tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Tính đến 31/12/2022, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 25.796.817.143 VND (năm 2021 đã nộp số tiền 14.000.000.000 VND, năm 2022 đã nộp số tiền 11.796.817.143 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028	15.144.245.028
Nguồn vốn ADB (i)	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD (ii)	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000
<i>b) Vay dài hạn</i>	76.460.736.737	76.460.736.737	-	15.144.245.028	61.316.491.709	61.316.491.709
Nguồn vốn ADB (i)	73.898.522.640	73.898.522.640	-	13.436.095.028	60.462.427.612	60.462.427.612
Nguồn vốn AFD (ii)	2.562.214.097	2.562.214.097	-	1.708.150.000	854.064.097	854.064.097
Cộng	91.604.981.765	91.604.981.765	15.144.245.028	30.288.490.056	76.460.736.737	76.460.736.737

(i) Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 - ADB 3 ngày 26/07/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/6 và 01/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5,8% và 0,2% phí quản lý.

(ii) Khoản vay vốn AFD là khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/05/2003 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/09/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/năm kèm theo phí phát trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 9 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/04/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/5 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.576.980.112	60.576.980.112
Sau năm năm	739.511.597	15.883.756.625
	76.460.736.737	91.604.981.765
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	15.144.245.028	15.144.245.028
Số phải trả sau 12 tháng	61.316.491.709	76.460.736.737

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	94.908.414.916	1.965.140.000	32.870.997.543	62.777.742.713	192.522.295.172
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	51.642.986.198	51.642.986.198
Trích quỹ	-	-	13.176.348.137	(21.933.791.700)	(8.757.443.563)
Trả cổ tức	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(990.000.000)	(990.000.000)
Tăng khác	-	-	-	45.164.014	45.164.014
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	94.908.414.916	1.965.140.000	46.047.345.680	67.814.998.725	210.735.899.321
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	59.428.916.683	59.428.916.683
Trích quỹ (i)	-	-	12.592.301.812	(19.956.778.292)	(7.364.476.480)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Số dư cuối năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	58.639.647.492	83.440.034.616	238.953.237.024

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 515/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 27/04/2022, Công ty phân phối lợi nhuận còn lại của năm 2021 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 12.592.301.812 VND.
 - Trích Quỹ khen thưởng của người lao động là 5.577.788.845 VND và Quỹ khen thưởng của viên chức quản lý là 276.687.635 VND. Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2021 để chi tiền thưởng cho người lao động và viên chức quản lý là 990.000.000 VND, nên số trích lập bổ sung trong năm 2022 là 4.864.476.480 VND (trong đó có 4.677.788.845 VND là quỹ khen thưởng cho người lao động, 186.687.635 VND là quỹ khen thưởng của viên chức quản lý).
 - Trích Quỹ phúc lợi là 2.500.000.000 VND.
 - Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế là 23.727.102.500 VND (Cổ tức trên mỗi cổ phần là 2.500 VND/cổ phần).
- (ii) Theo Nghị quyết số 516/NQ-HĐQT ngày 28/04/2022, số 531/NQ-HĐQT ngày 22/07/2022, số 556/NQ-HĐQT ngày 19/10/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2022 trên lợi nhuận của năm 2022 để chi tiền thưởng cho viên chức quản lý Công ty với số tiền là 120.000.000 VND. Quyết định trích quỹ khen thưởng năm 2022 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 của Công ty quyết định chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 thay đổi lần thứ 4 ngày 13/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Vốn điều lệ của Công ty là 94.908.414.916 VND. Tại ngày 31/12/2022, Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của nhà nước	49.405.554.916	52,06%	49.405.554.916	52,06%
Vốn góp của các đối tượng khác	45.502.860.000	47,94%	45.502.860.000	47,94%
- Do pháp nhân nắm giữ	42.056.960.000	44,31%	41.954.960.000	44,21%
+ Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	42,38%	40.224.860.000	42,38%
+ Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1,05%	1.000.000.000	1,05%
+ Đối tượng khác	832.100.000	0,88%	730.100.000	0,77%
- Do thể nhân nắm giữ	3.445.900.000	3,63%	3.547.900.000	3,74%
Cộng	94.908.414.916	100%	94.908.414.916	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 23.664.852.500 VND (năm trước là 23.738.892.500 VND).

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	186.381.313.566	176.476.507.448
Doanh thu lắp đặt ống nước	7.323.021.011	5.873.979.494
Cộng	193.704.334.577	182.350.486.942

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	110.934.941.052	107.290.374.027
Giá vốn lắp đặt ống nước	5.189.828.707	4.337.902.501
Cộng	116.124.769.759	111.628.276.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.846.483.700	55.955.759.413
Chi phí nhân công	34.722.939.935	33.029.645.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.375.708.068	28.073.995.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.799.159.333	3.969.810.997
Chi phí dự phòng	3.527.891.979	2.595.594.507
Chi phí khác	5.976.361.143	5.540.400.389
Cộng	134.248.544.158	129.165.206.519

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.083.706.380	8.523.047.101
Lãi chậm thanh toán (i)	229.299.149	660.130.401
Cộng	8.313.005.529	9.183.177.502

(i) Đây là khoản lãi phát sinh từ việc thanh toán chậm của Đông Mỹ Hải theo bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 (xem Thuyết minh số 31).

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.256.997.644	6.178.272.543
Cộng	5.256.997.644	6.178.272.543

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.252.557.737	1.416.310.414
Chi phí vật liệu, bao bì	3.799.380.379	4.205.887.150
Các khoản chi phí bán hàng khác	217.198.000	126.416.000
Cộng	5.269.136.116	5.748.613.564
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.378.362.644	2.213.501.076
Chi phí vật liệu quản lý	484.526.159	386.487.016
Chi phí khấu hao TSCĐ	720.596.197	786.668.853
Thuế, phí và lệ phí	1.177.494.808	1.133.198.683
Chi phí dự phòng	3.527.891.979	2.595.594.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	939.757.913	1.518.215.282
Các khoản chi phí bằng tiền khác	3.626.008.583	3.154.651.010
Cộng	12.854.638.283	11.788.316.427



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	68.207.516.442	59.200.833.456
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	4.013.333.370	3.107.749.498
Thu nhập chịu thuế	72.220.849.812	62.308.582.954
Thu nhập tính thuế	72.220.849.812	62.308.582.954
Thu nhập chịu thuế suất 10%	56.655.702.033	49.042.804.528
Thu nhập chịu thuế suất 20%	15.565.147.779	13.267.834.024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.778.599.759	7.557.847.258
Chi phí thuế theo thuế suất 10%	5.665.570.203	4.904.280.453
Chi phí thuế theo thuế suất 20%	3.113.029.556	2.653.566.805
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	8.778.599.759	7.557.847.258

Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.428.916.683	51.642.986.198
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.204.985.789)	(8.354.476.480)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	49.223.930.894	43.288.509.718
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.186	4.561

Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm ước tính. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 của Công ty quyết định chính thức. Số năm trước được trình bày lại là do sự thay đổi của quỹ khen thưởng phúc lợi đã được quyết định bởi Đại hội cổ đông năm 2022 (lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi điều chỉnh lại là 4.427).

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan như đã trình bày tại Thuyết minh số 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận		
Trả cổ tức	12.351.387.500	12.351.387.500
Công ty TNHH XD và TM Sơn Long Thuận		
Trả cổ tức	10.056.215.000	10.056.215.000
Mua sắm khác	114.023.000	59.525.000

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao, tiền lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Hữu Sơn - Chủ tịch	511.418.120	479.445.284
Ông Đinh Ân - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ông Nguyễn Quốc Quyền - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ông Võ Ngọc Thoại - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ông Đinh Viết Sơn - Thành viên	75.651.600	70.407.600
Ban Giám đốc		
Ông Đinh Ân - Giám đốc	491.665.052	460.487.656
Ông Đinh Viết Sơn - Phó Giám đốc	424.805.156	412.910.788
Ông Nguyễn Quốc Quyền - Phó Giám đốc	420.489.656	373.375.988
Ban kiểm soát		
Bà Bà Bạch Thủy Tiên - Trưởng ban	431.606.436	404.423.656
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm - Thành viên	60.522.000	56.326.800
Bà Vũ Đình Trúc Vi - Thành viên	20.174.000	56.326.800
(Miễn nhiệm ngày 27/4/2022)		

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 2.835.578.628 VND (tại ngày 31/12/2021 là 536.616.384 VND), tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia không bao gồm số lãi dự thu tại ngày 31/12/2022 là 3.220.915.079 VND (tại ngày 31/12/2021 là 3.351.191.782 VND), tiền thanh toán lãi vay không bao gồm số lãi trích trước tại ngày 31/12/2022 là 395.541.790 VND (tại ngày 31/12/2021 là 480.088.454 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. TRÌNH BÀY LẠI

Một số số liệu của năm trước được điều chỉnh và phân loại lại theo Kết luận của Bản án phúc thẩm số 88/2022/KDTM-PT ngày 20/12/2022 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Hủy quyết định cá biệt giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải (gọi tắt "Đông Mỹ Hải"). Tại Bản án số 88/2022/KDTM-PT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: "Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT) cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới". Bản án phúc thẩm buộc Đông Mỹ Hải phải trả cho Công ty số tiền như sau:

+ Từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2019: đơn giá nước 2.845 VND/m³ (Bao gồm thuế GTGT); từ ngày 01/10/2019 đến 30/11/2021: đơn giá nước 6.000 VND/m³ (Chưa gồm thuế GTGT). Tổng số tiền Đông Mỹ Hải còn phải trả tính từ 01/10/2019 đến 30/11/2021 là 11.767.030.321 VND.

+ Tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ 01/10/2019 đến 30/11/2021 là 1.560.308.220 VND (được tính theo lãi tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 6,14%/năm).

+ Số tiền thuế VAT còn phải thanh toán là 1.081.045.200 VND (Thuế GTGT với thuế suất là 5%).

Theo quyết định của Bản án phúc thẩm, Công ty điều chỉnh lại các khoản mục từ năm 2018 đến năm 2021. Các khoản mục được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã số	24.608.708.435	(8.274.265.358)	16.334.443.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137)	(9.534.295.423)	5.506.810.181	(4.027.485.242)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153)	2.433.159.165	1.106.890.366	3.540.049.531
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước (Mã số 421a)	20.096.356.288	(2.934.343.761)	17.162.012.527
LNST chưa phân phối năm nay (Mã số 421b)	49.379.207.248	1.273.778.950	50.652.986.198
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	183.496.712.942	(1.146.226.000)	182.350.486.942
Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	8.523.047.101	660.130.401	9.183.177.502
Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26)	13.565.618.373	(1.777.301.946)	11.788.316.427
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)	7.540.419.861	17.427.397	7.557.847.258
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)	50.369.207.248	1.273.778.950	51.642.986.198
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)	4.427	134	4.561
<u>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</u>			
Lợi nhuận trước thuế (Mã số 01)	57.909.627.109	1.291.206.347	59.200.833.456
Các khoản dự phòng (Mã số 03)	4.372.896.453	(1.777.301.946)	2.595.594.507
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (Mã số 05)	(8.523.047.101)	(660.130.401)	(9.183.177.502)
Tăng, giảm các khoản phải thu (Mã số 09)	(5.768.734.107)	1.146.226.000	(4.622.508.107)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. TRÌNH BÀY LẠI (Tiếp theo)

Chi tiết số liệu điều chỉnh qua các năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Tổng cộng</u>
<u>Bảng cân đối kế toán</u>					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã số 131)	(2.664.618.120)	(4.633.402.096)	(432.838.243)	(543.406.899)	(8.274.265.358)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 137)	-	2.004.306.055	1.725.202.180	1.777.301.946	5.506.810.181
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153)	381.640.636	654.094.161	31.271.666	39.883.903	1.106.890.366
+ Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	126.886.577	229.211.317	54.903.833	57.311.300	468.313.027
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	254.754.059	424.882.844	(23.632.167)	(17.427.397)	638.577.339
LNST chưa phân phối (Mã số 421)	(2.282.977.484)	(1.975.001.880)	1.323.635.603	1.273.778.950	(1.660.564.811)
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	(2.537.731.543)	(4.584.226.343)	(1.098.076.666)	(1.146.226.000)	(9.366.260.552)
Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	-	180.035.564	720.142.256	660.130.401	1.560.308.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26)	-	(2.004.306.055)	(1.725.202.180)	(1.777.301.946)	(5.506.810.181)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)	(2.537.731.543)	(2.399.884.724)	1.347.267.770	1.291.206.347	(2.299.142.150)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Mã số 51)	(254.754.059)	(424.882.844)	23.632.167	17.427.397	(638.577.339)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)	(2.282.977.484)	(1.975.001.880)	1.323.635.603	1.273.778.950	(1.660.564.811)



Đình Ân
Giám đốc
Ninh Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thu Hòa
Kế toán trưởng

Lâm Đại Nam
Người lập biểu



**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/KDTM-PT
Ngày: 20 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp
nước; Hủy quyết định cá biệt

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN	
Số: 21	
ĐẾN Ngày: 16.12.23	
Chuyển:	

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Lê Thủy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận (NIWACO); Địa chỉ trụ sở: 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ân, chức vụ: Giám đốc Công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Viết Sơn, Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty; có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải; Trụ sở: 44 Lê Lợi, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đình Thuận, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Phú Cường; Sinh năm 1981; thường trú: 56/15 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm

Chuyển vụ.
TC KL Cầu
20/12/2022 - Nguyễn Thị Thúy
Thư ký BIC
- Thư ký PG
- 20/12/2022
- 20/12/2022

trú: Số 37, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Duyên Anh, Luật sư thành viên Công ty Luật Liên Kết, đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Địa chỉ: Số 30 đường 16/4, phường Kinh Dinh, TP.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Nhứt, Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trọng Luật, Chức vụ: Phó Giám đốc; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Do có kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận; bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận do ông Đinh Viết Sơn là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/12/2012, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch cho Xí nghiệp cấp nước Đông Mỹ Hải (Nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải), đơn giá là 2.930 đồng/m³. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đơn giá bán nước sạch lần lượt được điều chỉnh theo Phụ lục số 01/2014/PLHĐ ngày 09/6/2014 là 3.150 đồng/m³; Phụ lục số 02/2015/PLHĐ ngày 03/02/2015 là 2.530 đồng/m³ và Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 là 2.845 đồng/m³.

Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/5/2018, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã báo cáo về việc giá bán nước theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước và các phụ lục hợp đồng này không còn phù hợp và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thống nhất giao cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đàm phán lại giá bán nước với Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Ngày 20/6/2018, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã mời Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải để thanh lý hợp đồng dịch vụ cấp nước và chốt chỉ số đồng hồ nước là 2.025.997 m³.

Căn cứ cuộc họp tại Sở Tài chính tỉnh ngày 13/7/2018 và Văn bản số 1917/STC-TCDN ngày 23/7/2018 của Sở Tài chính báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã thông báo và điều chỉnh giá bán nước cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải là 7.000 đồng/m³.

Tuy nhiên, Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đã nhiều lần đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải thanh lý hợp đồng cũ và ký kết hợp đồng mới với giá 7.000 đồng/m³ nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý và đề nghị tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết vào ngày 28/12/2012 và phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 với giá bán là 2.845 đồng/m³.

Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Yêu cầu chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải vì nếu tiếp tục thực hiện hợp đồng với giá bán nước là 2.845 đồng/m³ sẽ gây thất thoát lớn phần vốn của Nhà nước, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông và người lao động của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

2. Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả số tiền mua nước theo đơn giá 7.000 đồng/m³ còn thiếu từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2021 với tổng số tiền mua nước là 21.443.156.042 đồng (hai mươi một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi hai đồng).

3. Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả phát sinh từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2021 theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng là 2.098.713.400 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu bảy trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng).

* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải do ông Ngô Đình Thuận và ông Phạm Phú Cường đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải thừa nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn về quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch ngày 28/12/2012 và các phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐ ngày 09/6/2014, Phụ lục số 02/2015/PLHĐ ngày 03/02/2015 và Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017. Việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải và Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận thương thảo, ký kết hợp đồng và các phụ lục hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận vì các lý do sau đây:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được ghi nhận trong Hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng được ký kết với sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Do đó việc Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận yêu cầu thanh lý, chấm dứt hợp đồng là không phù

hợp với quy định pháp luật và không phù hợp với các nội dung đã thỏa thuận, cụ thể là tại Điều 7 Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch ngày 28/12/2012 về điều khoản chấm dứt hợp đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không có ý kiến về khối lượng tiêu thụ nước sạch do Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận cung cấp. Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý với đơn giá 7.000 đồng/m³ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải chỉ đồng ý thanh toán tiền nước theo đơn giá đã ký kết tại hợp đồng và Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 là 2.845 đồng/m³. Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đã thanh toán đủ số tiền mua nước theo đơn giá 2.845 đồng/m³. Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không đồng ý thanh toán số tiền mua nước là 21.443.156.042 đồng và phải trả khoản lãi chậm thanh toán là 2.098.713.400 đồng cho Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy các văn bản như sau:

1. Yêu cầu hủy Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

2. Yêu cầu hủy công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận trình bày:

Tại văn bản số 3716/STC-GCSĐT ngày 14/10/2021, Sở Tài chính đã trình bày về việc công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải như sau:

1. Về quyết định công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Về nguyên tắc xác định giá bán buôn nước sạch, do đơn vị cấp nước bán buôn cho đơn vị mua buôn nước để bán lẻ tự thỏa thuận, trong trường hợp không thống nhất được mức giá thì một trong hai bên (hoặc cả hai bên) có quyền yêu cầu Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên do Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải không thỏa thuận được giá bán buôn nước

sạch để ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước; Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 145/TB-VPUB ngày 17/5/2019, giao Sở Tài chính là cơ quan quản lý về giá, rà soát lại các chi phí cơ cấu trong giá nước mới để chủ trì hiệp thương giá với 02 công ty vào báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

Ngày 07/6/2019, Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá (lần 2), hai bên vẫn chưa thống nhất được giá bán buôn nước sạch, Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đề nghị giá bán buôn nước sạch là 7.000 đồng/m³ (đã có VAT) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đề nghị giá mua nước sạch là 3.810 đồng/m³ (Chưa có VAT).

Căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính: *"7. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá (Cục Quản lý giá/Sở Tài chính) quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện"*.

Cùng ngày 07/6/2019, Sở Tài chính tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan như: Sở Xây dựng, Cục Thuế, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội xác định giá bán buôn nước sạch của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, tiến hành rà soát các khoản mục chi phí trong cơ cấu giá nước; số liệu tính toán giá bán buôn nước sạch tạm thời theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đề nghị mức giá bán buôn là 7.000 đồng/m³ đã tính đúng, đủ trên tổng chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận định mức được tính mức tối thiểu 5%; tính giảm các chi phí gián tiếp như: chi phí khấu hao, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ trọng sản lượng nước cung cấp cho bên mua và không tính chi phí lắp đặt miễn phí, đề nghị lợi nhuận định mức của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận hưởng 3%; Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải hưởng 2% để thực hiện bán lẻ cho khách hàng; xác định giá thành đã có lợi nhuận 3% là 7.000 đồng/m³ (chưa có VAT).

Sở Tài chính đã có Báo cáo số 1575/BC-STC ngày 12/6/2019 báo cáo UBND tỉnh về kết quả hiệp thương giá bán buôn nước sạch (lần 2) giữa Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 4146/UBND-KTTH ngày 30/9/2019 về việc quyết định giá nước bán buôn tạm thời giữa Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Giám đốc Sở Tài chính ban hành quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải, để 02 Công ty tiếp tục thương thảo về giá bán buôn nước sạch ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

2. Về thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

Sở Tài chính nhận được hồ sơ hiệp thương giá của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Sau khi xem xét phương án giá của 02 công ty, Sở Tài chính không có cơ sở mời 02 Công ty vì mức giá đề nghị của 02 công ty về cơ bản không thay đổi so với mức giá đã tổ chức hiệp thương vào ngày 07/6/2019; Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận vẫn đề nghị giá bán buôn nước sạch là 7.000 đồng/m³ còn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải đề xuất 02 phương án giá: giá mua buôn 1 là 2.571 đồng/m³ và giá mua buôn 2 là 2.946 đồng/m³ (thấp hơn giá trước đây Công ty đã đề nghị là 3.810 đồng/m³, chưa có VAT). Cho nên việc tiếp tục thỏa thuận đảm bảo nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa hai Công ty theo chỉ đạo của UBND tỉnh là không thể thực hiện được.

Ngày 09/6/2020, Sở Tài chính có Công văn số 1657/STC-VP đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận xây dựng lại Phương án giá buôn nước sạch để tổ chức hiệp thương giá với Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Ngày 15/6/2020, Sở Tài chính nhận được hồ sơ hiệp thương giá của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Qua xem xét phương án giá hiệp thương của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận vẫn giữ nguyên giá bán buôn nước sạch là 7.000 đồng/m³ (đã có VAT). Như vậy, 02 công ty vẫn không thỏa thuận được về giá bán buôn nước sạch, nên Sở Tài chính không có cơ sở mời 02 Công ty ngồi lại để tổ chức hiệp thương.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá theo quy định khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Do đó, Sở Tài chính đã có Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải, đề nghị 02 Công ty tiếp tục thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời theo Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 của Giám đốc Sở Tài chính cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

Việc giám đốc Sở Tài chính ban hành quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải; Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải để hai công ty tiếp tục thương thảo về giá buôn nước sạch ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật theo quy định của Luật giá và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu phân tố của bị đơn.

** Vụ án này trước đây đã được Tòa án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm của tỉnh Ninh Thuận xét xử như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận đối với bị đơn Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải.

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 giữa Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải.

Buộc Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Ninh Thuận tổng số tiền 6.285.660.000 đồng, trong đó tiền nước còn nợ là 6.020.868.509 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 264.792.564 đồng.

Hai bên có trách nhiệm duy trì liên tục hệ thống cấp nước cho người dân, không để xảy ra tình trạng cắt nước ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trong vùng phục vụ cấp nước cho đến khi ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước mới trên cơ sở giá theo Quyết định về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước và quy định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt của Công ty cổ phần cấp nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định.

* Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 33/2020/KDTM-GĐT ngày 24/8/2020 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận Kháng nghị số 80/2020/QĐKN – GĐT ngày 01/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2019/KDTM-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-PT ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Quyết định Giám đốc thẩm nhận định như sau:

...[3] Căn cứ vào sự thỏa thuận cam kết giữa các bên trong hợp đồng dịch vụ cấp nước, phụ lục hợp đồng và các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Tòa án hai cấp phải áp dụng mức giá nước bán buôn đã được UBND tỉnh Ninh Thuận và Sở Tài Chính chỉ đạo là 6.000đ/m³ (chưa bao gồm thuế VAT) để giải quyết mới đúng. Việc Tòa án hai cấp áp dụng giá nước bán buôn 7.000đ/m³ do Công ty cấp nước Ninh Thuận tự đưa ra và buộc Công ty Đông Mỹ Hải phải thanh toán cho Công ty cấp nước Ninh Thuận số tiền 6.020.868.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại cho bị đơn. Do đó cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và phúc thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại, khi giải quyết lại vụ án cần bám sát nội dung hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (nếu có) để giải quyết.

* *Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, quyết định:*

Căn cứ các Điều 30, 34, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 513, 519, 521 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 74, 85, 306 Luật Thương mại 2015; Điều 25 Luật giá.

Điều 44 khoản 3 của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Điều 3 khoản 1 và Điều 7 khoản 1 của Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các khu đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 hướng dẫn một số Điều của Luật giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị hủy: Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 và Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

2. Hủy 01 phần Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty trách nhiệm hữu hạn Đông Mỹ Hải về giá nước tại Điều 3; Hủy Phụ lục số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 giữa Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải.

3. Buộc bị đơn Công ty Đông Mỹ Hải trả cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận số tiền nước còn lại:

Từ ngày 01.7.2018 đến ngày 30.9.2019 là: **3.745.515.679** đồng (Ba tỷ bảy trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm mười lăm ngàn sáu trăm bảy chín đồng)

Từ ngày 01.10.2019 đến ngày 30.11.2021 là: **13.053.685.642** đồng (Mười ba tỷ không trăm năm mươi ba triệu sáu trăm tám lăm ngàn sáu trăm bốn hai đồng). Trong đó: nợ tiền nước chưa thanh toán là 11.766.802.678 đồng (Mười một tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bảy tám đồng) và tiền lãi là 1.286.882.964 đồng (Một tỷ hai trăm tám sáu triệu tám trăm tám hai ngàn chín trăm sáu tư đồng).

Tổng cộng bị đơn Công ty Đông Mỹ Hải phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận là: **16.799.201.321** đồng (Mười sáu tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu hai trăm lẻ một ngàn ba trăm hai một đồng).

4. Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải duy trì hệ thống cấp nước cho người dân cho đến khi các bên ký thỏa thuận mới.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 khoản 2 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/12/2021, nguyên đơn Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận và ngày 29/12/2021, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn cấp nước Đông Mỹ Hải có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

- Kháng cáo của nguyên đơn Công ty cấp nước tỉnh Ninh Thuận đề nghị hủy hợp đồng dịch vụ cấp nước và các phụ lục hợp đồng là không có cơ sở vì hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đều đúng quy định của pháp luật, các bên khi tham gia ký kết hợp đồng đều tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu về giá nước và lãi chậm trả xét thấy: Do giá nước phải căn cứ vào giá đã quy định tại hợp đồng. Theo đó, kể từ thời điểm quyết định số 72 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận quy định về giá nước tạm thời, thì áp dụng giá nước này.

- Đối với yêu cầu về việc chấp nhận yêu cầu lãi chậm trả là không có cơ sở vì các bên hiện đang tranh chấp về giá nước, nên chưa đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

- Từ đó cho thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tính giá nước 7.000 đồng/m³ là không có cơ sở để chấp nhận.

Việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là đã gây thiệt hại cho bị đơn.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, ông Phạm Phú Cường là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc trở ngại khách quan; đồng thời Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị tiếp tục xét xử; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết nhanh vụ án... Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử

vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty Đông Mỹ Hải về việc hủy Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Đông Mỹ Hải (viết tắt là *Quyết định số 72*) và hủy Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận và Công ty Đông Mỹ Hải (viết tắt là *Công văn số 1788*):

Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận quyết định về giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Đông Mỹ Hải nên đây là quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước, Công ty Đông Mỹ Hải có phần tố yêu cầu hủy quyết định hành chính nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết trong cùng vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận là vấn đề mấu chốt, ảnh hưởng toàn bộ đến việc giải quyết vụ án này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính- Bộ Xây dựng- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì giá bán buôn nước sạch do bên bán và bên mua thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo lợi ích của các bên và không cao hơn giá bán lẻ do cấp có thẩm quyền quy định. Trong trường hợp không thống nhất được mức giá thì một trong hai bên (hoặc cả hai bên) có quyền yêu cầu Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật. Trong vụ án, nguyên đơn cho rằng giá bán buôn nước là 2.845 đồng/m³ theo Hợp đồng 28/12/2012 và Phụ lục hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 không còn phù hợp nên đề nghị áp dụng mức giá mới 7.000 đồng/m³. Bị đơn không đồng ý và đề nghị tính theo giá cũ. Như vậy, các bên không thống nhất được mức giá và có tranh chấp về mức giá bán buôn nước sạch. Do đó, nguyên đơn đề nghị Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá là có cơ sở. Đồng thời, Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá là đúng quy định nêu trên.

Sau khi tổ chức hiệp thương giá, các bên vẫn không thống nhất được nên Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh. Trên cơ sở ý kiến của UBND tỉnh tại Công văn số 4146/UBND-KTTH ngày 30/9/2019, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời giữa 02 công ty là 6.000 đồng/m³ (chưa có VAT). Theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT- BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính thì "*Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ*

quan tổ chức hiệp thương giá (Cục Quản lý giá/Sở Tài chính) quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện". Như vậy, Sở Tài chính ban hành Quyết định số 72/QĐ-STC là đúng thẩm quyền.

Cũng theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT- BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính thì, hết thời hạn 06 tháng, các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá. Do đó, Sở Tài chính ban hành Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 thông báo thực hiện giá bán buôn nước sạch tạm thời giữa 02 công ty, đề nghị 02 công ty thực hiện bán buôn nước sạch tạm thời theo Quyết định số 72/QĐ-STC cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá là đúng quy định pháp luật.

Tại Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty nước Ninh Thuận với giá tiêu thụ nước sạch bình quân là 9.114 đồng/m³. Trong đó, có quy định biểu giá nước sạch cho các đối tượng khác nhau, thấp nhất là giá bán cho các hộ nghèo và các gia đình chính sách là 5.000 đồng/m³ (với mức tiêu thụ từ 1m³ đến 5m³/tháng), giá bán cho các hộ dân cư là 7.000 đồng/m³ (với mức tiêu thụ từ 1m³ đến 15m³/tháng), các đối tượng còn lại thì đều cao hơn. Vì vậy, giá bán buôn tạm thời tại Quyết định số 72/QĐ-STC (6.000 đồng/m³, giá chưa có VAT) của Sở Tài chính không trái với Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (không cao hơn giá bán lẻ do cấp có thẩm quyền quy định).

Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận được ban hành là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty cấp nước Ninh Thuận về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nước từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/11/2021 theo đơn giá 7.000 đồng/m³ và kháng cáo của bị đơn Công ty Đông Mỹ Hải về việc đề nghị tiếp tục thực hiện giá bán buôn nước theo Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 là 2.845 đồng/m³:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nước còn thiếu từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/11/2021 theo đơn giá 7.000 đồng/m³ và tiền lãi chậm trả phát sinh. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán theo đơn giá 2.845 đồng/m³, đã bao gồm VAT (theo Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017).

Như đã phân tích tại mục [2.1], Quyết định số 72 và Công văn số 1788 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận là có hiệu lực, ràng buộc nghĩa vụ của 02 công ty trong việc thực hiện giá bán buôn kể từ ngày 01/10/2019. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn theo mức giá 6.000 đồng/m³ kể từ ngày 01/10/2019 (ngày ban

hành Quyết định số 72) đến ngày 30/11/2021 là đúng.

Tuy nhiên, căn cứ vào Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017, thì giá bán buôn nước sạch của 02 công ty đang thực hiện theo thỏa thuận là 2.845 đồng/m³, giá đã có VAT. Thỏa thuận này là tự nguyện, không trái Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch. Từ khi hai bên ký kết Phụ lục hợp đồng số 03 (ngày 20/9/2017) đến trước ngày 01/10/2019 thì UBND tỉnh chưa có quyết định khác thay thế Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND để điều chỉnh giá nước sạch mới, Sở Tài chính cũng chưa công bố giá nước tạm thời cho hai bên, nên về nguyên tắc các bên vẫn phải thực hiện theo giá thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 mà hai bên đã ký kết là 2.845 đồng/m³, giá đã có VAT. Như vậy, từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2019, giá bán nước sạch của 02 công ty là 2.845 đồng/m³, đã có VAT. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn về giá bán nước thực tế cho các hộ dân sử dụng là 7.000 đồng/m³ và giá bán nước cho hoạt động sản xuất, kinh doanh là 12.000 đồng/m³ để cho rằng, với giá mua vào là 5.000 đồng/m³ thì phía bị đơn vẫn có lãi và để giảm thiệt hại cho nguyên đơn nên đã lấy giá bán lẻ thấp nhất cho hộ gia đình chính sách là 5.000 đồng/m³ (Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND) để áp dụng cho giá bán buôn nước của Công ty cấp nước Ninh Thuận với Công ty Đông Mỹ Hải trong thời gian từ khi tranh chấp phát sinh ngày 01/7/2018 đến khi có giá tạm thời do Sở Tài chính ban hành ngày 30/9/2019 là không có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền cho nguyên đơn theo đơn giá 6.000 đồng/m³ kể từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021, đây là giá chưa bao gồm VAT, nhưng không buộc bị đơn trả cả tiền thuế VAT cho nguyên đơn là thiếu sót.

Về tiền lãi chậm trả phát sinh, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ tính toán trên cơ sở số tiền chậm trả tương đương theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung này là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và tính toán lại số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn, thuế VAT, tiền lãi chậm trả phát sinh cụ thể như sau:

- Số tiền nước bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn:

Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2019, tính theo đơn giá 2.845 đồng/m³ (đã bao gồm VAT): số m³ nước đã tiêu thụ là 1.738.057 m³ x 2.845 đồng = 4.944.772.165 đồng.

Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021, tính theo đơn giá 6.000 đồng/m³

(chưa bao gồm VAT): số m³ nước đã tiêu thụ là 3.603.484 m³ x 6.000 đồng = 21.620.904.000 đồng.

Tổng số tiền bị đơn đã trả theo đơn giá 2.845 đồng/m³ từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/11/2021 là 14.798.643.000 đồng. Trong đó: Số tiền đã trả cho từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/9/2019 là 4.944.769.321 đồng; Số tiền đã trả cho từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021 là 9.853.873.679 đồng.

Như vậy, số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn (từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021): 21.620.904.000 đồng - 9.853.873.679 đồng = 11.767.030.321 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn: Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất 03 ngân hàng thương mại, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Tại BL 804, Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 6,14%/năm (tương đương 0,51%/tháng). Tiền lãi chậm trả được tính trên số tiền chậm trả là 11.767.030.321 đồng, trong thời gian từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021: 11.767.030.321 đồng x 0,51%/tháng x 26 tháng = 1.560.308.220 đồng.

- Số tiền thuế VAT bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/11/2021, tính theo đơn giá 6.000 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT) với số tiền nước đã bán là 21.620.904.000 đồng, thuế suất VAT là 5%. Vì vậy, số tiền thuế VAT bị đơn phải trả là: 21.620.904.000 đồng x 5% = 1.081.045.200 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cấp nước Ninh Thuận về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017:

Theo quy định của pháp luật thì hoạt động sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch là hoạt động kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước (*Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ*). Giá tiêu thụ nước sạch cũng được Nhà nước điều tiết để đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty Đông Mỹ Hải là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chấp thuận là đơn vị được ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với Công ty cấp nước Ninh Thuận với nhiệm vụ tiếp nhận, đầu nối nguồn nước sạch của Công ty cấp nước Ninh Thuận để bán cho người dân theo sự phân vùng của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Như vậy, hợp đồng cấp nước giữa hai công ty ngoài việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tự chủ, có lãi thì phải đảm bảo an sinh xã hội và chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Ngoài ra, lý do đề nghị chấm dứt hợp đồng của Công ty cấp nước Ninh Thuận (hai bên không thỏa thuận được giá bán nước mới) không thuộc trường hợp phải chấm dứt hợp đồng theo

quy định tại Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và không thuộc trường hợp phải chấm dứt hợp đồng do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012.

Ngày 01/10/2019, Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 72/QĐ-STC công bố giá bán buôn nước sạch tạm thời của Công ty cấp nước Ninh Thuận bán cho Công ty Đông Mỹ Hải. Do đó, giá các bên thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 không còn hiệu lực kể từ ngày 01/10/2019 và hai bên thực hiện giá bán buôn mới kể từ ngày 01/10/2019 theo mức giá 6.000 đồng/m³, nên không cần thiết phải hủy một phần hợp đồng dịch vụ cấp nước về giá nước.

Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 ngoài việc điều chỉnh giá nước đã hết hiệu lực, còn điều chỉnh các nội dung khác ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn hủy toàn bộ Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017 là không đúng, không còn cơ sở để các bên tiếp tục thực hiện các thỏa thuận khác.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHĐ ngày 20/9/2017. Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận: 24.894.468.476 đồng – (11.767.030.321 đồng + 1.560.308.220 đồng) = 11.567.129.935 đồng. Cách tính: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng (là 0,1% x 7.567.129.935 đồng) = 119.567.129 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 11.767.030.321 đồng + 1.560.308.220 đồng = 13.327.338.541 đồng. Cách tính: Cách tính: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng (là 0,1% x 9.327.338.541 đồng) = 121.327.338 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng: Các Điều 30, 34, 39, 147, 148, 293, 308, 309, 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 513, 519, 521 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74, 85, 87, 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xir:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc yêu cầu Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải thanh toán tiền mua nước và tiền lãi chậm trả.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 28/12/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 03/2017/PLHD ngày 20/9/2017. Kể từ ngày 01/10/2019 hai bên thực hiện giá bán buôn nước theo mức giá 6.000 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT) cho đến khi thỏa thuận được giá bán buôn nước mới.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải về việc hủy Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 01/10/2019 và hủy Công văn số 1788/STC-QLGCSĐT ngày 22/6/2020 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận.

- Buộc Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận số tiền nước là 11.767.030.321 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.560.308.220 đồng. Tổng cộng là 13.327.338.541 đồng (*mười ba tỷ ba trăm hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi một đồng*).

- Buộc Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải trả cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận tiền thuế VAT là 1.081.045.200 đồng (*một tỷ không trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí.

+ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận phải chịu 119.567.129 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ 53.664.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017840 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Còn phải nộp 65.903.129

đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm lẻ ba ngàn một trăm hai mươi chín đồng).

- Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải phải chịu 121.327.338 đồng (một trăm hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm ba mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000440 ngày 27/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH cấp nước Đông Mỹ Hải số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000444 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Công Mười

TỜ TRÌNH

Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 589/NQ-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	24.136.152.549	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	59.428.916.683	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	83.565.069.232	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2022:	28.033.660.794	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	17.828.675.005	e = (b * 30%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	9.907.690.458	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.907.690.458	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	297.295.331	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	55.531.408.438	h = c - d
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 36% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	34.167.027.600	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	3.600	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2023	21.364.380.838	j = h - i

2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 26/5/2023.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 03/7/2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hữu Sơn